

TRITAN

TẠP CHÍ

新報
新報

TRI-TÂN TẠP-CHÍ RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 200

Xin soi gương cò	Nam-sử-Thị
Một vị danh thần triều Nguyễn (III)	Trúc-Khê
Những ông nghề triều Lê	
(CKIY)	Nguyễn-văn-Tổ
Đại-nam dật sự (LXVIII)	Ứng-hòe
Người Việt-nam dưới mắt một	
học nhà văn Pháp	Vũ Bội Liêu
Việt-nam văn học sử (XVI)	Nguyễn-văn-Tổ
Tùy hứng	Hương-Sơn Trúc-Hòa
Hội Truyền bá quốc ngữ với	
học văn học trẻ	Phạm-mạnh-Phan
Bại đời gió cuốn	Có Lý

GIÁ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancelme — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-dắt — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông kiều — Hải-dương

HỜI CÁC BẠN THANH NIÊN!

Tình-hình quốc gia đã đến lúc nghiêm trọng! Đứng trước non sông Tổ-quốc và Lịch sử chúng ta đều có trách-nhiệm tồn-vong của nòi giống Nam Việt!

Các bạn phải đoàn kết chặt chẽ, đừng chia rẽ đảng phái. phải giúp đỡ các nhà chức-trách duy trì sự trị an và bảo vệ tài-sản của nông dân đang nguy-ngập lo sợ nạn hồng thủy!

Nước nhà còn mất là trong phút này! trong giờ này!

Kính cáo CÁC ĐẠI LÝ MIỀN TRUNG VÀ MIỀN NAM

Vì đường giao thông chưa được như xưa, xin các Đại-lý miền Trung và miền Nam gửi trả tiền báo hàng tháng cho Bản-chỉ bằng ngân phiếu lốc hành (mandat-télégraphique) vì nếu gửi ngân phiếu thường thì phải hai ba tháng mới tới nơi.

T. T.

Cải - chính

Trong bài « Ta phải chống lại... » của Vũ Bội Liêu đăng ở số trước: Trang 6, cột một, dòng thứ 5 in là: « quốc - mẫu », xin đọc là: « mẫu - quốc » trang 19: cột 2, giòng 10 Des bêtes en vent, xin đọc là en ru! cột 2, trang 20 :...trông có đặc súc-vật, xin đọc là... trông có vẻ đặc súc-vật; Trang 6, cột 1 giòng 14: In là: các phụ nữ cao-mên, xin đọc là: các vạ-nữ cao-mên.

Xin soi gương cổ

Quan văn không tiếc tiền,
Quan võ không tiếc mạng,
Thiên hạ mới được thái-bình
(NHẠC-PHI)

NAM-SU-THI

Xưa nay, việc đời không nhất định, thì lẽ đời phải biến di, nên ông Khổng-Tử đã có câu «ngày ngày thêm mới» để thúc dục ta tiến thủ. Nhưng muốn có mới, tất cũng phải do cũ mà thành, cho nên phẩm việc gì cũng phải xem trước ngấm sau cho kỹ thì mới hay được.

Cho nên lại có câu:

Ôn cố tri tân (nhắc việc cũ, biết việc mới).

Lấy việc trước mà đoán việc sau; thấy vết xe trước nghiêng, vết xe sau tránh; xem cái hay của người, biết cái dở của mình; ngấm cái mạnh của người, biết cái yếu của mình gặp cái thiện của người, biết cái ác của mình.

Đó là những phương thuật của thánh hiền dạy ta chính tâm, tu thân. Tề gia trị quốc bình thiên hạ, cho nên cốt huân của các bậc tiền hiền tất phải nên thuộc về tâm trời tính thần, mà những gương sáng của các bậc tiền bối tất phải nên soi, để gắng gỏi noi theo cho khỏi phi tiếng con giống cháu giống.

Ít lâu nay, triều đình chú ý đến việc «Trưng thanh lại trị» để gây hạnh phúc cho thần dân, nên cụ Khâm sai Bắc bộ Việt Nam có ủy quyền cho các báo rộng nói

những hành vi mờ tối thấp hèn của những viên chức bất chính.

Làm thế là một phương sách rất hay để trừng giới những tham quan ô lại.

Son > như thế mới chỉ là phương diện trừng trị chưa có phương sách cải quá, vì người phạm tội có khi vì chế độ, hoàn cảnh mà phải làm càn, có khi bị lợi dụng mà phạm vào luật.

Phạm dụng nhân; không phải chỉ để cho người làm lỗi mà trị tội, cũng cần phải khích lệ để người tỉnh ngộ cải tà qui chính như thế mới là bản ý của Triều Đình và dụng tâm của nhà hành chính.

Muốn giúp một phần vào phương lược cải quá trên đây, không gì bằng nêu những đức sáng việc hay của các bậc tiền hiền ngày trước để người đọc lấy đấy làm gương noi theo, rồi tự tâm sửa chữa lỗi lầm để thành người hữu ích cho quốc gia chủng tộc.

Vì thế, tôi xin tạm đan cử ra mấy việc «thanh cần» và «nghiêm minh» — Kể còn nhiều xin có dịp sẽ lược đăng thành cáo — có ghi trong sử sách để tỏ rõ dân tộc ta gần đây có những vị quan lại rất là đáng kính đáng phục và luật pháp của ta cũng rất là nghiêm minh.

Những vị quan thanh cần.

Trương Đăng Quế

Ông người làng Mỹ-Khê, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đậu cử nhân triều Gia Long. Ông rất thông minh, tài học uyên bác, có nhiều sáng kiến, lại có tư cách đặc-biệt về tổ chức, nên vua thường giao cho ông kiến thiết các tòa, các bộ, các phủ. Phẩm cơ quan nào Triều Đình mới đặt là cũng phải có ông tham dự.

Triều Đình đặt nội các, ông cũng phải sung vào nội các, mới đặt cơ-mật, ông cũng phải sung vào cơ-mật, khi đặt Phụng chánh, ông cũng có châu trong Phụng chánh. Ông thật là nguyên thủ trong quan-trưởng, làm đến cổ marsh địa thần, giữ ngôi Tể Tướng đến 20 năm, đến năm đến Cần chánh, cũng làm đến thái sư tước phong đến Quận-Công, thế mà lúc về hưu cả giang san cơ nghiệp chỉ vắn vắn có một nếp nhà tranh với mấy bộ ghế ngựa gỗ.

Trịnh Hoài Đức

Tổ tiên người Tàu, chạy sang ta tránh loạn Mãn-châu, ông to riêng là An, tự là Ghi sơn hiệu là Cẩu-Trái, năm 10 tuổi mồ côi cha, bà mẹ mang vào Gia-định,

cho theo học cụ Võ Trường-Toàn. Nhờ gặp thầy hay học lực ông rất tiến tới. Kịp khi đức Cao Hoàng khắc phục Gia-định, cụ Võ Trường-Toàn tiến cử ông và mấy môn sinh ra giúp nhà Nguyễn.

Ông là người rất cần thận, phong độ hòa nhã, tính khí trầm mặc, học vấn uyên thâm, tài ba lỗi lạc; mỗi khi nghị luận thường giữ đại thể nên vua Minh mệnh rất kính nể thăng cho ông nhất phẩm văn thân (Triều Nguyễn, từ vua Gia-Long chưa phong ai đến trật ấy, mãi đến vua Minh mệnh mới thăng cho ông là đầu tiên).

Ông làm quan, thế mà vẫn nghèo, ở Kinh làm việc, không có nhà riêng, mãi đến năm Minh-mệnh thứ ba (1822) vua mới bớt bèn ban cho ông hai ngàn quan tiền và ngôi gạch để xây phủ đệ.

Ấy là vài nhân vật mới cách đây độ hơn trăm năm tức là 40, 50 năm trước hồi Pháp thuộc, mà tốt tháo làm quan còn cao như vậy; mới hay ngày trước các cụ ra làm quan chỉ chăm việc nước việc dân chứ không nghĩ đến việc nhà.

Đó cũng là do noi gương vua Vũ ngày xưa trị thủy tám năm không về thăm nhà vậy.

Luật pháp nghiêm minh :

Con vua cũng không được nể ?

Trong thời Minh-mệnh, có một lần ông Hoàng Tâm tên là Mân-Phú (con thứ 3 đức Minh-mệnh) cũng tên thế họ Hoàng vào-Văn quân ngựa trong thành Ngựa tên Văn gấm chết tội, bà cụ 80 việc con bộ Hinh, các quan kết tội tên vào luật: «*xuất mã sát thương nhân*» mà bà Hoàng-Tử, cho là vô can, miễn tội.

Ấn độ lên, vua Minh-mệnh xem phé ;

«*Đường trong thành là chỗ nhân dân lai vãng, mà dám cho ngựa ruồi rong, tuy tên Văn phạm tội sát thương nhân song Mân-Phú phải bồi cho kẻ chủ 200 lượng bạc. Tội đã liên đới, thì không xứng là con vua. Mân-Phú tự hậu không được dự vào hàng Hoàng tử. Còn lên Văn ý thế của Hoàng-tử cho nên miệt thị bần dân, luật qui tru-tảm (1) phải vẫn quyết cho trọng nhân mạng.*» (Theo «*Thầy Thiệu Vương của Ông Trích*»).

Phạm văn Diên

Người huyện Phú-Vang phủ Thừa Thiên xuất thân tự lính Kinh-tượng làm đến chức Thống-chế, chuyên cai quản đội voi. Có tài Vũ-dũng, lại có can đảm gan dạ, nên vua Minh-mệnh rất yêu quý, có ban cho ông thanh «*Long kiếm*», được quyền tiền trăm hậu tấu.

Trải bao chiến trận, công nghiệp lớn lao, thế mà có một lần đi kinh-lý châu Cam - Lê làm việc không xứng chỉ, liền bị cách chức phải ra làm lính ở trấn Hải Đài.

Nguyễn-duy-Hòa

Người ở Lê - thủy tỉnh Quảng-binh, lúc nhỏ rất chăm học, không chịu đầu Tây sơn.

Năm 1793, vào nam, làm khách của Nguyễn văn Thành, năm sau được tiến cử, vào Triều Định làm Hàn lâm viện chế cáo. Vua Gia Long thấy người học rộng tài cao rất mến nể, sau thăng cho chức Hình Bộ hữu tlam tri, đã có lần làm khảo quan trường thi Thăng Long.

Quan chức như thế, thế mà có một lần đi qua cửa Đoan môn vô ý không xuống xe, quan Hữu tư bắt lại phạt đánh 80 trượng

Phạm phú-Thứ

Người huyện Tiên phước, tỉnh Quảng nam, đậu Tiến - sĩ triều

Thiệu - Trị làm quan đến cơ mật viện đại thần. Vua Tự Đức rất là ý trọng thường giao giải quyết nhiều vấn đề ngoại giao can hệ. Nhất sinh ông làm quan chỉ chăm việc kinh tế cho dân, đã thi hành được nhiều phương lược lợi dân ích quốc, như thương khau Hải Phòng là chính ông thiết lập trong khi làm Tổng đốc An quảng.

Cũng huân như thế, mà có khi công vụ sơ xuất vua cũng không dám vì, luật pháp vô tư cũng phải bãi quan ra làm lính trạm, chạy công văn ở trạm Thừa nông.

Quân pháp có vô tư, luật lệ có nghiêm minh, thì dân tâm mới yên ổn.

Thường phạt có công bằng thì người hay mới muốn làm hay, mà người dở mới mong chữa dở

Xét ngắm những cái quá khứ rục rịch của ta, ta có thể tin rằng giống giống của ta không đến nỗi yếu hèn.

Sáu mươi năm dưới quyền áp chế, người Pháp đã làm cho ta tiêu mòn một phần lớn cái nho phong sỹ khí thời xưa, gây cho ta một chế độ xấu xa, nên trong thời Pháp thuộc mới có những việc mà ta đã thấy.

*Cổ trên trúc lấy ngôi nỏ địch
Âm no riêng là thích chí rồi
Đức nên tư cách tới đời,
Nước suy mặc nước, dân đời
mặc dân*

(Nguyễn Phan Lang)

Cho hay, hoàn cảnh - có ảnh hưởng lớn đến nhân tâm. Nay gặp lúc này, trên quan dưới dân ai cũng một lòng vì nước, thì lo gì chẳng có lúc thái bình thịnh trị như xưa.

NAM-SW-THÉ

1) Luật cốt diệt lòng, nghĩa là luật pháp trừng trị cốt để diệt đi ý từ lòng.

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

Số 3

TRÚC-KHÉ

Những kẻ lại dịch, ai làm vất vả mà không được việc, ông đùa bảo :

— Cái gì mà ý ạch như ông Phan thanh Giản đọc sách ấy thế !

Tiếng đến tai ông Phan, dĩ nhiên ông Phan chẳng thể ư nào. Chợt khi ông Nguyễn văn Siêu sang sứ Yên kinh, các quan bày tiệc tiễn, ông Khải cũng dự trong đám ấy. Trong khi uống rượu, cùng nhau bàn bạc chuyện này việc khác, ông Khải mở hết lòng ruột, nói năng cử động chẳng biết giữ gìn, vì thế bị ông Phan thanh Giản đo chức đại thần (1), dâng sớ đàn hặc. Trong sớ đại khái gộp nhặt nhiều điều lỗi của ông từ trước, như nói năng xấc xược với đại thần Nguyễn đẳng Giai, như cầm đĩa bát ném quan chức sứ Nguyễn văn Siêu, như nói năng bất đạo, như riêng bàn triều chính, như trong lời nói có móc câu, như bụng dạ quý quốc, như thanh thế rộng rực v.v.

Việc giao cho bộ Lại nghiêm xét. Bộ này xét thấy phần nhiều không có thực trạng, nhưng vì có liên can đến mấy đại thần, nên cũng kết nghị sơ lược mà dâng trình lên. Vua Dực tôn xem rồi dụ rằng :

« Những điều tham hặc phần nhiều thuộc về trọng khoản, thế mà tra xét chỉ là những chuyện nhỏ bàn riêng với nhau, chưa hề tìm ra được những thực trạng gì. Hưởng chỉ cứ như lời tham hặc, nào bảo nói năng bất đạo, nào bảo quăng ném vào Nguyễn văn Siêu. bị thương ở mặt, người đến xem đông nghịt sung quanh, thế mà xét đến chứng tá, đều bảo không có, duy Phạm Bá Nghi, lời từ lần trước không thấy nói đến, đến lần từ

sau mới thấy nói ra, tựa có tựa không, chẳng được xác tác. Lại như cái khoản bảo là nói xấc với Nguyễn Đẳng-Giai, cũng không có tình trạng gì để trở rõ ra được. Ngoài ra còn những điều bảo nan trặc với vô trượng, cũng chỉ là lời nói của kẻ tham hặc, chứ không dẫn được cái xác chứng nào. Thế thì bản tham hặc kia há chẳng phải là không đúng sự thực ! Đến như những điều bảo bụng dạ quý quốc, thanh thế rộng rực, thì ở dưới làn giới sáng rực, há dung cho có hạng người ấy. Vũ Phạm Khải là một kẻ tôi gần ở nơi bí-các, nếu quả có tâm tích ấy, thanh thế ấy, nên tra cho ra thực trạng, sẽ trừng trị một cách rất nghiêm để làm răn cho mọi kẻ khác. Nếu mà chỉ là chuyện bảo, cũng cần phải biện bạch cho rõ, há nên bắt bớ đồ chứng, bàn xoong nói lý mà kết nghị một cách cầu thả như vậy được ư ? Lại như những kẻ làm chứng Phan Tĩnh thì mộng nói bừa bừa, trước sau không đúng, Phạm Hữu - Nghi thì lời khai ấp úng, có, không chẳng rành xét kỹ tình hình, há chẳng phải là có ý bình vực. Vậy án này bác bỏ, giao bộ ấy phải tra xét đến triệt để. »

Bộ Lại tra xét lại, thấy những chứng tá của bên tham hặc, đều không có gì là chắc chắn, chỉ luận rằng, ông Vũ phạm Khải là kẻ cận thần ở nơi bí các mà nói năng nóng nảy sàm sỡ, vậy xử cáo chức, còn ông Phan thanh-Giản là người đàn bà có những điều không đúng sự thực, vậy xử giáng cấp và chức, còn những người khác có dính đến việc này, đều xử giáng phạt. Bản án để vua xem rồi chằm chước giảm nhẹ cho người : Vũ Phạm-Khải không phải cách chốn phải giáng xuống Hèn-lâm viện thừa chỉ, sung

1) Chức quan ở ngự sử đài.

(Xem tiếp trang 19,



NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

36 114

Ung học NGUYỄN-VAN-TỐ

Khoa kỹ-sử 1529 là năm thứ ba hiệu Minh - đức của Mạc-dăng-Dung, lấy hai mươi bảy ông đỗ tiến-sĩ. Hiện còn bia ở Văn - miếu Hà-nội, kỷ trước (số 196) đã dịch đăng. Nay chép đến tên các ông thi đỗ ở dưới này :

Ba ông đỗ đệ-nhất-giáp tiến-sĩ cấp-đệ : Đệ - nhất - danh là Đỗ Tông, người xã Lại - ốc, huyện Văn-giang (Tế-giang) phủ Thuận-an (Thuận-thành), trấn Kinh-bắc (Bắc - ninh). Năm hai mươi sáu tuổi, đỗ trạng-nguyên khoa kỹ-sử 1529. Làm quan đến đồng - các đại - học - sĩ. Phụng mệnh đi sứ, mất giữa đường ; được truy tặng Hình-bộ tả-thị lang. Là con Đỗ Nhân (đỗ nhị - giáp tiến - sĩ khoa 1493), anh Đỗ Tấn (đỗ đồng tiến-khoa 1535), anh em cùng hiền một thời (Đăng khoa lục, tờ 22a, Đăng-khoa bị-khảo, nh-bắc, tờ 97a ; Đĩnh-nguyên t-lục, số A1205, tờ 23 b 24a).

nhị danh là Nguyễn Kháng (g), người xã Võ-lãng, huyện Phúc, phủ Thường - tin, Sơn-nam ; nhà ở xã Thăng huyện Thanh - oai. Năm bốn mươi hai tuổi, đỗ hảng nhứt khoa

1529. Làm quan đến thị - lang (Đăng-khoa bị-khảo, q. Sơn-nam, tờ 24a-b).

Đệ-tam-danh là Nguyễn-văn Huy, người xã Vĩnh-cầu (kiến), huyện Đông - ngàn, phủ Từ - sơn, trấn Kinh-bắc. Năm bốn mươi tư tuổi, đỗ thám-hoa khoa 1529. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư, kiêm chức tư-huấn ở Tú-lâm-cục Chiêu văn-quán, tri-sĩ. Sinh ra Nguyễn-trọng - Quýnh (đỗ nhị - giáp khoa 1547), Nguyễn-đạt-Thiện (đỗ nhị-giáp khoa 1559), Nguyễn-hiền-Tích (đỗ tam-giáp khoa 1565), là ông nội Nguyễn-giáo-Phương (đỗ thám hoa khoa 1586), là tứ đại tổ Nguyễn đức-Vọng (đỗ tam-giáp khoa 1673), là lục đại tổ Nguyễn-danh-Nho (đỗ tam-giáp khoa 1670), là bát đại-tổ Nguyễn-công-Thần (đỗ tam-giáp khoa 1718), Nguyễn-đức-Đôn (đỗ tam-giáp khoa 1721), Nguyễn-quốc Ích (đỗ tam-giáp khoa 1727), ba đời đỗ đại - khoa liên nhau, lại thỉnh-thoảng đỗ đại-khoa đến tám đời. Tương truyền : tiên - tổ ông là nhà tích-lũy âm-công. Lại có người Tàu giấu vàng lạc mất chỗ, tiên-tổ ông bắt được, gọi giá, sau người Tàu tặng một cái huyệt đồ giá ơn, cho nên đời đời được đỗ

đại - khoa mà lâu bền như thế. Nguyễn-văn-Huy lại có cháu ngoại là Phạm-y-Toàn ở huyện Thanh - lâm, trấn Hải - dương, cũng đỗ tam-giáp khoa 1589 (Đăng-khoa bị-khảo, q. Hải - dương, tờ 87 a).

Tám ông đỗ đệ-nhị-giáp tiến-sĩ xuất-thân, kê tên dưới này :

1. — Nguyễn - văn - Quang, người xã Blah-son, huyện Đông-ngàn trấn Kinh-bắc. Năm bốn mươi sáu tuổi đỗ đầu nhị - giáp khoa 1529. Làm quan đến đô - cấp - sự-trung. Là con Nguyễn-Nghiễn (đỗ đồng tiến - sĩ khoa 1478) : Cha con cùng đỗ đại-khoa (Đăng-khoa lục, q. 2, tờ 22a).

2. — Trần - Thụy, người xã Ngọc-bộ, huyện Thái - bình (theo bia, còn Đăng-khoa-lục chép là Tế-giang), trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp khoa 1529. Làm quan đến Hàn - lâm (Đăng-khoa-lục, q. 2, tờ 22a).

3. — Phạm Huy, người xã Mạc-khê, huyện Thanh - lâm, trấn Hải-dương, nhà ở xã Man - nhứt, đỗ nhị giáp khoa 1529. Làm quan đến nam-chính (Đăng-khoa bị-khảo, q. Hải-dương, tờ 63b).

4. — Đặng-lương-Tá, người xã Đặng - xá, huyện Thạch - thất, trấn Sơn-tây, nhà ở xã Phú-ô. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (Đăng khoa - lục, q. 2, tờ 22a). Đăng-khoa bị-khảo (q. Sơn-tây, tờ 40a) chép là Đặng-lương-Bật, người xã Phùng-xá, năm bốn mươi tuổi đỗ nhị giáp khoa 1529. Làm quan đến Hình-bộ tả - thị - lang, tước Đạm-khê-bá, sau chết được tặng phong tước hầu.

5. — Nguyễn-Hoảng, người xã Đức-thắng, huyện Hiệp-hòa, phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc. Năm bốn mươi tuổi, đỗ nhị-giáp khoa 1529. Làm quan đến Hình-bộ tả thị-lang, tước Đạm-khê-bá, truy tặng tước hầu (Đặng-khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 66a).

6. — Nguyễn - đoãn - Diên người xã Hoàng-vào (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 22 a chép là Hoàng-phỉ), huyện Hiệp-hòa, phủ Bắc-hà, trấn kinh-bắc. Năm bốn mươi tuổi đỗ nhị giáp khoa 1529. Làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, kêm quốc tử giám tử tửu, tước nghĩa - trai-bá, trí-sĩ. sau mất được tặng tước hầu (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh bắc, tờ 66 a)

7. — Phỉ - Thạc, người xã Hương-ngải, huyện Thạch-thất, phủ Quốc-sai, trấn Sơn-tây. Năm hai mươi hai tuổi, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa 1529. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư tước Lại-tửu-hầu trí-sĩ, thọ 78 tuổi, được tặng thụy bảo (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-tây tờ 40 a).

8. — Nguyễn chiêu Khánh (theo bia, còn Đặng khoa lục chép là Chiêu - Nghĩa), người xã Yên-sở, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-sai, trấn Sơn-tây, đỗ nhị giáp khoa 1529. Làm quan đến hàn-lâm (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 22 b), Đặng khoa bị khảo (q. Sơn-tây, tờ 31 a) chép là Nguyễn-chiêu-Độ, ngụ ở xã Sơn-dông, đỗ năm ba mươi tư tuổi. Làm quan đến hiệu-thảo.

Mười năm ông đỗ đệ-tam-giáp đồng tiến-sĩ - xuất-thân, kẻ tên dưới này :

1. — Nguyễn-hữu-Hoán người xã Xuân-áng, huyện Tân-phúc, (Tân-phúc) phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc, Đỗ tam giáp khoa 1529. Làm quan đến giám-sát-ngự-sử (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 65 b).

2 — Nguyễn - diên - Gláo, người xã Thượng-cốc, huyện Gia-lộc (Trương-tân), phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương, đỗ tam - giáp khoa 1529. Làm quan đến giám - sát ngự-sử. Là con Nguyễn-duy-Minh đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502 (Đặng khoa bị khảo, q. Hải - d - ơng, tờ 39 a).

3 — Lê-Thị, người làng Ngọc-bộ, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm ba mươi sáu tuổi đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến tả thị-lang, tước Văn-tạp-bá, tặng tước hầu (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 97 a).

4. — Hoàng - khải - Thận, người xã Đại-lý, huyện Thuần-lô (sau đổi là Thuần-bực, rồi lại đổi là Vĩnh-lộc), phủ Hạ-trung, trấn Thanh-hóa. Làm nhà ở xã Đặng-xa, huyện Lang-tài, trấn Kinh-bắc. Năm hai mươi năm tuổi đỗ tam - giáp tiến - sĩ khoa 1529. Làm quan đến Lại-bộ thượng thư Hoảng-trung-hầu. Khi chết được tặng quận-công (Đặng khoa bị khảo, q. Thanh-hóa, tờ 37 b).

5. — Lê-Tảo, người xã Phúc-khê (Đặng khoa bị khảo chép là Phúc-diễn), nhà ở xã Cồ-nhuê, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-sai, trấn Sơn-tây. Năm hai mươi chín tuổi đỗ tam - giáp tiến - sĩ - khoa 1529. Làm quan đến Lại-bộ tả-

thị-lang Hoảng-viễn-bá. Khi chết được truy tặng thượng-thư, tước quận-công (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-tây, tờ 7 a-b).

6 — Nguyễn-quý-Lương, người xã Địa-linh, huyện Phụ-dực, phủ Thái-bình, trấn Sơn-nam. Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến tham - chính (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn - nam, tờ 104 b).

7 — Nguyễn đức Kỳ, người xã Đan-nhiễm, huyện Văn-giang, phủ Thuận - an, trấn Kinh - bắc, Năm hai mươi tám tuổi, đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa 1529. Làm quan đến tự-khanh sung chức tổng binh thêm - sự phủ Cao - bằng, tước Đồng-sơn bá. Là ông nội Nguyễn Nghĩa - Nhân đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1602 (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh bắc, tờ 97 a).

8. — An khí-Sử, người xã Nê-dộ huyện Nam-xương (xang), phủ Lý-nhan trấn Sơn-nam. Năm hai mươi bốn tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến tự-khanh, truy tặng thị lang (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 75 a).

9 — Vũ Ngung người xã Đoàn-từ huyện Gia lộc (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 23 a chép là xã Đoà-lâm huyện Trường-tân), phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Năm ba mươi hai (Đặng khoa lục chép là hai mươi hai) đỗ tam-giáp khoa 1529. Làm quan qua cả lục bộ thượng-thư kiêm đô ngự-sử, tước Sại-sơn-hầu, khi mất được tặng quốc công (Đặng-khoa bị-khảo, q. Hải-dương, tờ 39 a-b),

(Xem tiếp trang 20)



Số 68

Ung-hòe NGUYỄN-VAN-TỔ

binh. Ngày giáp-thân, quần thần dâng biểu xin ngự chính-diện. Ngày ất-dậu, vua ngự điện Thiên-an coi chầu, xuống chiếu cho quần thần trừ phục (là bỏ khăn áo tang). Ngày hôm ấy vua ngự Na-ngạn (nay là huyện Lục-ngạn tỉnh Bắc-giang) để xem cung nữ lên hỏa-dàn tuần-táng vua Lý Nhân-tông» (Đại-Việt sử-ký; toàn-thư

q. 3, tờ 27 a-b và Khâm-dịnh Việt-sử, q. 4, tờ 18 b).

Xem đoạn sử này với đoạn sử chép việc « Lý Nhân-tông bắt (bức linh) mẹ già là Dương-thái-hậu chết theo Lý Thánh-tông (tuần Thánh-tông lăng) » thì biết nước ta về thế-kỷ thứ mười hai không những là theo phong-tục của Tàu, mà lẫn cả phong-tục người Ấn-độ Mã-lai nữa (Indonésien). Phong-tục Tàu như khi Tần mục-công chết (khoảng thế-kỷ thứ ba trước T. - C.), có đem ba người con của họ Tử-ra chôn theo; khi Tần Thủy-hoàng chết, bao nhiêu những hậu-cung không con, đều bắt chết theo, và những thợ làm trong lăng Thủy-hoàng cũng bị chôn sống. Phong-tục Ấn-độ mã-lai thì người Chiêm-thành có theo, như việc vua Trần giả Huyền-Trần công-chúa cho Chế-Mân (Jaya Simhavarman III), đến khi Chế-Mân chết, theo tục nước Chiêm-thành, thì vợ vua phải vào hỏa-dàn chết theo (kỳ hậu nhập hỏa-dàn dĩ tuần) vua Trần sai Khắc-chung sang diệm và đem công-chúa về.

« Mong một tháng giêng năm Mậu-tân 1128 Dương-Hoán đổi niên hiệu là Thiên-thuận, đại xá

XXXVIII. — Lý-Thần-tông
Lý Nhân-tông mất ở điện Vĩnh-quang, thành Thăng-long, ngày đinh-mão tháng chạp năm đinh-mùi, tức 15 tháng giêng năm 1128 (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 3, tờ 25 a-b) Đến ngày ất-dậu (2-2-1128) Dương-Hoán lên ngôi, sau là Lý, Thần-tông, còn Sùng-hiền-hậu Sùng-hiền-hậu là em Lý Nhân-tông vậy thì Dương-Hoán là cháu gọi Lý Nhân-tông là bác. Sinh năm bình-thân 1116. Nhân-tông nuôi Dương-Hoán ở trong cung, cùng với con Thành-khách-hậu, Thành-quảng-hậu, Thành-chiều-hậu Thành-hưng-hậu, toàn là con nuôi. Dương-Hoán có vẻ thông-minh, nên đến tháng mười năm đinh-dậu 1117 Nhân-tông lập làm hoàng-thái-tử. Năm đinh-mùi 1127 Nhân-tông mất, di-chiếu cho Dương-Hoán nối ngôi, năm ấy Dương-Hoán mới mười một tuổi.

Đại-Việt sử-ký (q. 3, tờ 26 b)
 p: « Hoàng-thái-tử lên ngôi ở trước linh-cữu Nhân-tông, sai vũ, vệ là Lê-bá-Ngọc tuyên báo các vương hầu và văn, võ, thần-liên

đều lui ra, đứng chờ ở ngoài cửa đại-hưng, sai các thành-lại (quan giữ thành) đóng các cửa thành giữ cẩn thận, chờ cho người đi lại ra vào, lại sai cấm-quân dân khi-giới ở mé dưới điện Thiên-an. Được một chốc, sai mở cửa nách hữu, vời quần thần vào long-trị, sai Lê-bá-Ngọc truyền dụ rằng: « Chẳng may tiên-đế xa bỏ quần-thần, ngôi trời không thể bỏ trống-không lâu được; ta là người tuổi còn nhỏ cố gắng nối ngôi. Các người rên bần lòng dõm-nhiệm, đề giúp giúp nhà vua, ngõ hầu không phụ cái ý của tiên-đế phó-thác mà con cháu các người cũng đời đời được hưởng lộc trời ». Quần thần đều lay mừng, xong rồi khước một cách thâm thiết. Vua sai nội-nhân là Đỗ-Thiện, xá-nhân là Bồ-Sùng đem việc ấy báo cho Sùng-hiền-hậu biết. Xuống chiếu cho các dân-gian trong nước y theo bản-ngiệp làm ăn như cũ, không được chứa giấu những đũa trốn tránh, trộm cướp và đánh nhau đến chết người.

Ngày nhâm-ngọ, quần thần dâng biểu rước linh-thần (tức linh-cữu vua Lý Nhân-tông) về ở điện Hồ-thiên. Ngày quý-mùi, quần thần tâu tang phục ở ngoài gác Vĩnh-

thiền-hạ. Phạm diện thờ của dân từ trước bị mất làm công-diền công thờ của quan thì được giả lại hết; những người bị tịch thân làm điền-nhi được về hết; tăng đạo và bách tịch bị làm lộ-ông cũng được tha (điền-nhi và lộ-ông sử Ngô-thi-Sĩ chú-thích là tội đồ, nhưng không biết rõ thế nào). Cho sáu quân được thay phiên về làm ruộng; thế là tuân theo cổ-chế» (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 19 a-b, *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 28 b)

Cùng năm ấy có việc ngự kinh diên, tức là vua học. Việc này có một sử gia khen rằng: «Nước ta kể từ khi chính thống trở xuống, Đinh tiên Hoàng khởi từ kẻ chăn trâu, Lê Đại Hành ra từ người nuôi ngựa, đều không có cái học của đế vương, tuy tài trí chuyên vận, đều có thể khai cơ lập nghiệp, nhưng đến cương kỷ, thì không có gì là đáng nói, cho nên hai họ Đinh, Lê ấy không truyền lại được lâu bền: đó là cái lỗi bất học. Đến họ Lý được nước, là lòng dân tôn lêm, Thái tổ là ông vua khoan nhân, mà cái sở học lúc nhỏ cũng do ông sư Vạn Hạnh, như thế thì kinh diên nhà Phật cũng có khi nghe được ít nhiều, còn đến lời nói hay bài dạy quý của đạo nho, chắc là chưa biết. Khi Thần tông lên ngôi, bắt đầu mở ngay kinh diên, có thể gọi là biết học vấn đề cầu trị đạo. Trong đời Thần tông được núi lạng suối trong, có lễ công ở chỗ đó chẳng. Phụ chính lúc ấy có Lê há-Ngọc, là văn thần mà

lại là hiền thần, cho nên mới có việc hay ấy. Tiếc rằng Lê há-Ngọc phụ chính chưa được bao lâu, người kế tiếp không xứng đáng vị sư, phó, cho nên Thần tông không thành đức nghiệp». (*Đ.v.s.k. cải lương*, a 1146, q. 2, tờ 32 b).

Cùng năm 1128 Thần tông tha những tội nhân ở phủ Đô hộ, từ tội biếm (đi đày, bị giáng) tội truất (cũng như bị giáng) trở xuống, một trăm ba mươi người (*K.d.v.s.*, q. 4, tờ 21 a).

Tháng hai năm thứ hai hiệu Thiên thuận (1129) không mưa, mãi đến tháng ba, vua thân cầu đảo, không nghiệm, nhân bảo thị thần rằng: «Trăm tự nghĩ là không đủ tài đức, nên trên phạm đến khi thiên hoà của trời; mùa xuân năm ngoái mưa dầm, mùa xuân năm nay đại hạn, Trăm rất lo. Các người nên nghĩ xem những điều lầm lỗi của trăm, để sửa lại». Viên ngoại lang là Trần ngọc Khánh lâu rằng: «Ba tháng xuân là trời hậu sinh vật, nếu không có mưa thì vật không sinh được. Hoặc giả chỗ hình ngục, có việc oan việc lạm, cho nên thương đến hòa khí, xin Bệ hạ nghĩ cho». Vua lấy làm phải, xuống chiếu tha những tội nhân trong thiên hạ. Đến tháng tư được mưa: người bấy giờ khen Trần ngọc Khánh là Trần thiện Gián» (*K.d.v.s.*, q. 4, tờ 25 a-b).

«Tháng chín năm thứ ba hiệu Thiên thuận (1130) mưa dầm mãi không thôi. Vua sai làm lễ kỳ tinh (cầu tạnh) và tha tất cả tù ở phủ Đô hộ» (*K.d.v.s.*, q. 4, tờ 26 b).

Năm 1128, khi mới đặt niên hiệu Lý Thần tông cho Lê há-Ngọc làm thái úy, thăng tước hầu, nội nhân hóa đầu là Dương anh Nhị và Lưu Ba làm thái phó, tước đại liêu ban, nội nhân hóa đầu là Lý Khánh, Nguyễn Phúc và Cao Y làm thái bảo, tước nội thượng chể, trung thừa là Mậu du Đô làm gián nghị đại phu, ngự khố thư gia là Từ Diên làm viên ngoại lang chỉ hạm quân giáp là Lý Sơn làm điện tiền chỉ huy sứ tước đại liêu ban, lĩnh nhân là Ngô Toái tước thượng chể. Lại cho Lưu khánh Đàm Lê há-Ngọc, Lưu Ba, Mậu du Đô và các quan chức tiền-lựa có thứ tự hơn kém khác nhau (*K.d.v.s.*, q. 4, tờ 19 b 20 a).

«Ngày Nhâm dần tháng giêng năm 1128 sai Lưu Ba, và Mậu du Đô đem những lễ vật của vua Nhân tông ban cho Sùng hiên hầu từ trước đến tận nhà riêng». (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 29 a).

Vào khoảng «tháng ba ta năm 1128, quân thần dâng tôn hiệu là Thuận thiên quảng vận khải minh nhân hiếu hoàng đế

Cùng «tháng ấy, lập Lý t làm hoàng hậu. Nguyên trước sai viên ngoại lang là Lý khánh Thần và vợ đến đón con gái
(Xem tiếp trang 13)

Ta phải chống lại lối tuyên truyền man trá của bọn thực dân!

NGƯỜI VIỆT NAM DƯỚI MẮT MỌI BỌN NHÀ VĂN PHÁP

II

BỌN THỰC DÂN ĐỐI VỚI CÁC CUỘC CÁCH MỆNH CỦA TA

VŨ - BỘI - LIÊU

Còn thái độ của người Pháp đối với những trang liệt sĩ Việt Nam đã hi-sinh cho nền độc lập nước nhà? Họ có đủ công-bình, và cao thượng để coi dấu máu những địch - tử anh hùng bại trận? Không, bọn thực - dân Pháp, trái lại, đã không muốn hiểu những cuộc cách-mệnh của ta, chúng lại nhìn các nhà ái quốc Việt - Nam bằng con mắt khinh khi, và không bỏ cơ hội nào để mạt sát họ.

Trong một bài báo nhan đề là: « Cái họa cách - mệnh ở Đông dương » đăng năm 1934 ở « La revue des deux mondes », một trong những tạp chí có tiếng nhất bên Pháp (1), tác giả vô danh đã viết câu này về Hoàng Hoa Thám: « Cả hẳn, hẳn những tên khác không thể gọi là những « anh hùng cứu quốc » được; chúng chỉ là những kẻ bản tính phản nghịch, hung hãn, tham lam mưu ngoa, và thích sự cướp bóc ». Về Phan bội Châu, hẳn viết: « Tên ấy sở dĩ ren được là vì hẳn đã dặt lưỡi dôi dôi một mặt được để cho ông An-nam coi là một nhà

cách-mệnh, một mặt được sở liêm-phóng coi như một tên chỉ điểm »

Tác giả bài ấy lại còn dám bảo những cuộc vận động chính trị của ta từ 1925, 1926 giờ đi đều mang tính cách cộng-sản, chứ không phải quốc-gia chi hết, rồi tấn cực-lực phản-đối sự « khoan-dùng, quá đáng » của mấy kẻ cầm quyền đối với những tên « phản - nghịch » ở Đông-dương.

Trong mấy cuộc tranh-luận ở nghị viện Pháp về việc khởi nghĩa của V.N.Q.D.Đ., sau ngày đâm máu ở Yên Bái năm 1930, một vài phần tử sáng suốt trong đó có Marius Moutet, Berthon — đã kịch liệt kết án chính-sách tàn ác của bọn thực dân. Nhưng Piétri, tổng-trưởng bộ thuộc-địa hồi đó, lại lên tiếng bình-vực và khen-ngợi tên sát nhân Réré Robin, người có trách nhiệm về cuộc đâm máu ở Cổ Am: « rất-tự khôi-phục được — hẳn nói — vinh dự ấy về ông Robin, ông ấy là một vị thủ hiến đại tài »

Còn việc rọi 500 cân bom xuống làng Cổ Am. Piétri cãi đó là « một hành vi x v v rất chính đáng »: theo lời hắn việc ấy đến lúc cuối cùng, bắt đắc dĩ không thể dừng được mới phải làm: về thống-sứ Bắc-kỳ chỉ có 25 tên lính (?) mà phải đương đầu với cả dân chúng một làng, có khi giới nổi lên công khai chống cự lại chính-phủ. Và lại — vẫn theo lời viên cựu tổng-trưởng thuộc địa — đoàn tàu bay chỉ ném bom xuống khi ở dưới bọn phản nghịch bắn lên nguyền chiến! ».

Louis Marty đã bảo Nguyễn Thái Học, đảng-trưởng V. N. Q. D. Đ. là « một gã còn trẻ tuổi không chút thông minh nào, nhưng mà đầy kiêu ngạo ». (Un tout jeune homme dépourvu d'intelligence, mais plein de vanité).

Barthouet — biệt hiệu là Bồn Mát! — trong quyển « Đêm máu ở Yên Bái » (La nuit rouge de Yên Bái) đã gọi 13 vị anh

hàng tuần quốc của ta là « 13 đứa con đờ » (.. les treize bandits). Và tác giả lại viết câu tiên tri sau này : « Trong năm mươi năm nữa, sau khi câu chuyện đã bị người ta làm sai lạc đi mãi nhiều rồi biết đâu những tên lính tập phản chủ ấy lại chẳng được người ta coi như thần thánh Trên các sân khấu Việt-nam, trong các bài hát của các chị lái đò, họ sẽ được tôn làm bậc anh hùng, và chúng ta, những kẻ nan nhân, chúng ta đây sẽ bị hạ xuống hàng những quân mọi rợ phàm tởm ». Mới có 15 năm qua. Chắc Berthouet không ngờ dân rằng câu nói chơi của mình lại hiệu nghiệm đến thế.

Cùng trong tác-phẩm nói trên, tác giả « La nuit rouge de Yên Bay » lại có cái nhũ ỹ đem chúng ta vi với ... một con ngựa. Hẳn bảo không phải cái giống ngựa đáng quý như Buffon đã mô tả, mà là một con vật cần phải kiềm chế, vả lại nó sinh ra cũng chỉ để người ta kiềm chế ». Trị được, nó giúp ta rất nhiều việc. Nhưng nó biết nhận xét lúc nào ta không biết cười, lúc nào ta không biết cai quản nó, lúc ấy thì nó cứ việc làm theo ý nó, không coi ta ra gì nữa ».

Berthouet cũng phải công nhận V.N.Q.D.Đ là một cơ quan cách-mệnh đáng sợ, đã chống lại được người Pháp trong một năm ròng, và lần đầu ý, cảm-phục cái chết của Cô

Giang, sau khi đầu Nguyễn Thái Học đã rơi trên mây chêm. « Cô Giang, tác-giả viết, người thiếu phụ ấy đã làm danh giá cho cả đám phụ nữ » (Thị Giang' cette femme a honoré la femme).

III

Ta phải trông lại lời tuyên truyền man trá ấy !

Chúng ta đã nhận rõ cái dã tâm của người Pháp: mô tả người mình như một dân-tộc hèn kém, cần đến sự dạy - dỗ, che chở, diu dắt của một cường quốc. Họ muốn cho mọi người tin rằng nếu không được « bó đuốc văn-minh » của bọn thực-dân rọi tới, thì ta không bao giờ thoát khỏi vòng tối tăm u muội ! Họ dấu diếm, chối cãi những lầm-lỗi, tội-ác của họ ở thuộc địa, làm sai lạc hết ý-nghĩa chính đáng cả : cuộc cách mệnh ở Đông Dương. Như thế, cốt để đánh lừa dư-luận quốc-tế, để mọi người lầm tưởng rằng việc đi thực dân là một « sứ-mệnh thiêng-liêng », như nhời họ nói. Tác-giả hai báo đăng trong « La revue des deux mondes » đã nói trên kia lại còn dám quả quyết : « Biết bao sự kiện thông thường chứng tỏ rằng nên thắng hoặc chúng ta phải rời bỏ xứ Đông dương — ta không nói đến trường-hợp mà một nước khác ở Âu-châu, Á-châu, hay Mỹ-châu, kể chăng ta ở đó — thì dân-tộc an-nam, sau khi đã mất hẳn một sự bảo-hộ cần-thiết để khích-thích họ, và khiến cho họ vượt qua được tài-lực của

họ, sẽ lại rơi xuống cái mực xưa, nội-loạn và hỗn-độn » (Theo bản dịch của ông Trọng Đức) — Tên thực-dân ấy lại còn bịa đặt rằng « dân-tộc An-nam, trong toàn-thể, đã thừa nhận cuộc đô hộ của Pháp một cách nhứt-nại, không hề mảy may, và có khi lại lấy làm hả-hê nữa (1)... Họ tin là người Pháp đến giải phóng cho họ ».

Lạy giờ ta phải làm thế nào để chống lại lời tuyên-truyền man-trá ấy ? Vì chắc không bao giờ bằng lúc này, bọn lạc hậu lầm lạc muốn trở lại uất Đông-dương đang dùng đủ các cách không chính - đáng, đang bịa đặt đủ điều để mặt-sát ta trước dư - luận quốc - tế. Một công việc cần-ấp của một bộ tuyên-truyền tương lai rong nội-các Việt-nam là cho soạn ngay bằng mấy thứ tiếng ngoại quốc thông-dụng — ngoài cuốn « Hắc-thư » mà mấy nhà báo ở đây đã bàn đến, trong ấy sẽ tố-cáo những tội-ác, những hành-vi vô nhân đạo của bọn thực dân — rất nhiều sách để cho hoán-cửu hiểu rõ ta hơn, để các nước văn-minh trên thế-giới tin rằng chúng ta có đủ điều-kiện để trở nên một nước hoàn-toàn độc-lập, hơn thế nữa, một dân-tộc hùng-cường. Chúng ta sẽ vạch hết những điều lầm lẫn, man-trá, hay vu cáo của một bọn nhà văn thiếu lương-tâm, chúng ta sẽ nêu ra những nhời phản - đối công bình của một số người ngoại quốc (Xem tiếp trang 16)

1) Xem bản dịch của ông Trọng Đức, Thanh-nghị số 108

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 9)

chức diện tiền chỉ huy sứ Lý Sơn, viên ngoại lang Trần ngọc Độ và vợ đến đón cháu (gọi là bác) chức thái úy Lê bá Ngọc là con gái Lê Xương. Đến tháng ba lập con gái Lý Sơn làm Lê Thiên hoàng hậu, con gái Lê Xương làm Minh bảo phu nhân, thăng Lý Sơn tước hầu, coi quân dân ở Lạng Sơn, cho Lê Xương tước đại liêu ban » (Đ.v.s.k. toàn thư, q. 3, tờ 30 a-b).

« Tháng mười một ta năm 1123, thăng thái úy Lê bá Ngọc làm thái sư, đổi họ là Trương ».

Đến năm sau (1129) tháng giêng « ngày giáp Ngọ, tôn cha thân sinh là Sùng hiến hầu làm thái thượng hoàng, mẹ thân sinh là họ Đỗ làm hoàng thái hậu ở cung Động nhân » (Đ.v.s.k. toàn thư, q. 3, tờ 32 a-b).

Năm Ất mao (1135) « mùa hạ tháng tư, xuống chiếu cho Lý công Tín được vào trong cung cấm tâu việc Công Tín nguyên họ Phi, lúc đầu bỏ chức phụng ngự thư gia, rồi thăng tả ty lang trung, cho họ là Lý; vua tin dùng, cho vào trong cung cấm, ra vào tự do » (K.đ.v.s. q. 4, tờ 30 b).

Ngoài việc quan dân, đến việc giao-tiếp với Tàu và Chiêm-thành Chân-lạp.

Bấy giờ bên Tàu nhà Tống tránh người Kim, dời Kinh - đô đến phủ Lâm-an tức là qua sông (phủ Lâm-an thuộc phủ Triết-giang, tức Hàng châu bây giờ). Vua Lý Thần-tông lên ngôi, sai sứ sang Tàu báo tin. Đến tháng mười năm thứ ba hiệu

Thiên-thuận (Canh-tuất, 1130) sứ nhà Tống sang phong làm Giao-chỉ quận-vương. Vua Lý sai viên ngoại-lang là Lý Phụng-An và lệnh thư-gia là Doãn-anh-Khải sang nhà Tống báo sinh (là biến đồ vật và tạ ơn).

Đến tháng mười hai năm nhâm tý (1132) sứ Tàu lại sang gia phong cho Lý Thần-tông làm Nam bình-vương. (Khâm-định việt-sử, q. 4, tờ 29 b).

Tháng giêng năm thứ nhất hiệu Thiên-thuận (1128) « ngày giáp-dần, nước Chân-lạp (Cao-man) đem hai vạn người vào cướp ở bộ Ba-dầu, châu Nghệ-an. Vua xuống chiếu cho chức nhập-nội thái-phó là Lý-công-Bình đem các quan chức và người châu Nghệ-an đi đánh. Ngày quí-hợi, tháng hai Lý công-Bình đánh được người Chân-lạp ở bộ Ba-dầu, bắt được chủ-tướng và sĩ-tốt. Đến ngày đinh-mão, thư thăng trận của Lý-công-Bình về đến kinh-sư. Ngày mậu-thìn, Vua ngự hai cung Thái-thanh và Cảnh-lĩnh và các tư-quán ở trong thành để bãi tạ đạo Phật.

Tháng ba, Lý-công-Bình đem quân về đến kinh, dâng những người bắt sống được một trăm sáu mươi chín người. (Đại-việt sử ký, toàn-thư, q. 3, tờ 30 a đến 31 b).

« Tháng tám (cùng năm 1128) người Chân-lạp lại vào cướp ở làng Đỗ-gia châu Nghệ-an, có hơn bảy trăm chiếc thuyền. Vua Lý Thần-tông xuống chiếu cho Nguyễn hạp Viêm ở phủ Thanh hóa và Dương ở châu Nghệ-an đem quân đi đánh. Chân-lạp bị thua. Tháng mười một năm ấy, châu Nghệ-an đệ tấu một bức quốc-thư của Chân-lạp, xin

sai người sang sứ nước ấy, vua Lý không trả lời » (Đại-việt sử-ký toàn-thư, q. 3, tờ 32 a).

« Tháng ba năm thứ ba hiệu Thiên-thuận (1130) người nước Chiêm-thành là Ung-ma Ung-câu đến xin nội phụ » (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 3, tờ 35 b).

« Tháng bảy năm thứ năm hiệu Thiên-thuận (1132) người Chiêm-thành là bọn Cự-Ban trốn về nước, đi đến trại Nhật-lệ thì người trại ấy bắt được đưa về kinh-sư » (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 3, tờ 37 a).

« Tháng tám, Chân-lạp và Chiêm-thành vào cướp châu Nghệ-an, vua xuống chiếu cho thái-úy là Dương Anh-Nhị, đem người phủ Thanh-hóa và châu Nghệ-an, đi đánh Chân-lạp Chiêm-thành, đều được » (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 3, tờ 37 a-b).

« Tháng chín năm ấy chức lệnh thư-gia ở châu Nghệ-an, dâng ba người Chiêm-thành. Nguyên trước người ấy thường phục ở các chỗ hiểm-yếu để bắt sống người châu Nghệ-an, bán lại cho nước Chân-lạp. Trần-Lưu biết vậy, đặt quân phục ở chỗ ấy, cho nên bắt được ba người đem dâng » (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 3, tờ 37 b).

« Tháng hai năm Ất-mao (1135) Chân-lạp và Chiêm-thành hai nước đều lại cống » (Khâm-định Việt-sử, q. 4, tờ 30 a).

« Tháng giêng năm đinh-tý (1137), trạm Nghệ-an tâu rằng Chân-lạp vào ăn cướp châu ấy, vua xuống chiếu cho thái-úy là Lý-công-Bình đem quân đi đánh, Chân-lạp bị thua » (Khâm-định Việt sử q. 4, tờ 31 b 32).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NG-VAN-TỐ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 16

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ



HƯƠNG thứ mười
lăm trong quyển
Việt nam văn-
học sử-yếu, ông
Đương-quảng-Hàm

nói về các lối « truyện, ngâm, hát
nói » là « thể văn riêng của ta »
(tr. 137 — 148).

Trang 137, dưới câu : « Truyện
là tiên-thuyết viết bằng văn vần »
nên thêm mấy chữ : « như truyện
Kim Vân Kiều, truyện Nhị-độ-
mai, v.v. » Lại nên dặn dừng lẩn
với chữ truyện là tên chung bốn
quyển sách của nho-giáo (Đại-học,
Trung-dụng, Luận-ngữ, Mạnh-
tử) thường gọi là Tứ thư hoặc
Tứ truyện, và dừng lẩn với
chữ truyện là sách chép sự-lịch
bằng chữ nhọ, như Đại-Nam
liệt-truyện.

Cùng trang ấy ông Hàm giảng
chữ « Lục bát nghĩa đen là sáu,
tám » : nên xóa chữ đen, vì lục bát
chỉ có nghĩa là lối văn trên sáu
dưới tám, chứ không có nghĩa gì
khác nữa, không nên phân ra nghĩa
đen với nghĩa bóng.

Ông Hàm nói thể văn lục bát
« muốn đặt dài ngắn bao nhiêu
cũng được, miễn là phải dừng lại
ở cuối câu tám » : câu ấy không
rõ mà hình như không đúng cho
lắm, vì có chỗ dừng ở câu thứ tư
như bài Hạnh Thục ca, mở đầu
rằng : Gấm cơ tạo-hóa khôn
lường, trái xem trị loạn, lý
thường xưa nay. Tình suy thể-

vận lẫn xoay, non sông như cũ
đổi thay không cùng. Nước ta
Nam-việt phân-phong, hiệu
Hùng-bảng thị, vốn dòng Thần-
nóng... » Thế có phải đến chữ « đổi
thay không cùng » đã là hết một
mạch rồi không ? Lại có chỗ dừng
ở cuối câu thứ sáu như bài Chính-
khí ca, mở đầu rằng : « Một vầng
chính khí lưu hình, cũng trong
trời-đất, nhật tinh, sơn hà ;
hao-nhiên vững ở người ta,
tác vương-sơn sắt hiện ra
khí cùng. Nên thua theo vận
hạnh-truân, Nghìn thụcếp tiếng
anh-hùng sử xanh... » Có quan-
tông-đốc Hà-ninh, hiệu là Quang-
Viễn, trung trình ai bằng... » Thế
có phải là đến chữ « anh-Lùng sử
xanh » đã là một mạch rồi không ?
Vậy thì câu của ông Hàm nên chữa
rằng : Muốn đặt dài ngắn bao nhiêu
cũng được, nhưng những chỗ dừng
hơi ngắt đoạn thường ở cuối câu
thứ tư, hoặc thứ sáu, thứ tám, tùy ý.

Nếu có phải ông Hàm cho nghĩa
là bao giờ câu cuối cùng cũng
phải là câu tám chữ, thì cũng
hơi nhầm vì phần nhiều những bài
hát (lục bát, song thất lục bát...) đặt
câu cuối có sáu chữ, như bài
Nợ nam nhi của cụ Nguyễn-công-
Trứ (mà ông Hàm dẫn ở trang 144)
câu cuối chỉ có sáu chữ, là câu
« Nghìn thu một tiếng công hầu »,
lại bài Tiễn biệt của ông Cung-
thúc-Thiểm (dẫn ở trang 145) câu

cuối là câu « Yêu nhau nhớ lấy
lời nhau » cũng chỉ có sáu chữ.

Nếu bảo chỉ có lối ca-trù mới
dùng câu sáu chữ ở cuối bài, thì
bài Chính khí ca là bài kể truyện
cụ Hoàng-Điện tử tiết, cũng đặt
sáu chữ vào câu cuối bài, là câu
« Anh-hùng mới biết anh-hùng ».
Vậy thì nên xóa câu « miễn là
phải dừng lại ở cuối câu tám ».

Đến đoạn « hiệp vần trong thể
lục bát » (trang 137) ông Hàm
viết mấy câu rằng : « Cả chữ cuối
câu trên phải vần với chữ thứ sáu
câu dưới và mỗi tám câu mỗi đổi
vần » (vì hai chữ mỗi mà câu này
bỏ ra vần này) mà bao giờ cũng
gieo vần bằng. Theo lẽ ấy thì chữ
cuối câu sáu vần với chữ thứ sáu
câu tám, rồi chữ cuối câu tám
lại vần với chữ cuối câu sáu sau... »

Hình như thừa nhiều chữ quá,
có thể rút như thế này : Chữ cuối
câu trên (thượng lục) phải hiệp
vần với chữ thứ sáu câu dưới (hạ
bát), còn chữ thứ tám ở câu
dưới phải hiệp vần với chữ cuối
câu sau. Cứ hai câu lại đổi vần,
mà bao giờ cũng gieo vần bằng.

Lại nên thêm vào trang 137,
ở « thể lục bát » một câu rằng :
« ta thường gọi là thượng lục
hạ bát trên sáu dưới tám ».

Trang 138, ông Hàm nói biến
thể lục bát « cũng là thể lục
bát, nhưng thỉnh thoảng có
xen vào một ít câu mà cách

hiệp văn và luật bằng trắc khác thể lục bát nói trên. Tôi tưởng không nên đặt ra một tên riêng là « biến thể » vì ai xem đến những truyện *Phạm công, Cúc hoa, Lý công*, cũng chỉ gọi là lối văn thượng lục bát, chứ chẳng ai gọi là « biến thể lục bát ». Những chỗ thất niêm thất luật là do người mới tập làm văn, không đủ văn liệu như cụ Tồn đến nên mới phải đổi điệu đi như thế, mà chính ông Hàm cũng nói lối ấy « có tính bình dân ». Thực thế, đương buổi chữ nho đang thịnh, văn nôm ít dùng, người khoa mục, làm khi cũ, dùng lối văn bình dân ấy. Vả lại gọi là « biến thể » thì hơi trùng với câu: « Hát nói có thể coi là một biến thể của hai thể lục bát và song thất » in ở trang 141 về đoạn « Hát nói ». Trang 141, nên cắt nghĩa chữ « ca trù » là lối hát bỏ thể, thương ỉhể. Thể là mảnh tre; các hương thôn bấy giờ hầu còn moi dùng lối ấy, nghĩa là vót một ít thanh tre như dũa cá, gọi là thể, lúc đầu giao với con bát mỗi thể bao nhiêu

tiền, người cầm chầu nghe câu nào hay, lấy thể ấy mà thưởng, đến khi xong, con bát đếm thể lấy tiền.

Trang 147, ông Hàm dẫn bài *Vịnh Tiễn xích xích* làm thí dụ: So với bản nôm của trường Bắc cò thì khác những chữ sau

này: Câu thứ 4, ông Hàm chép: « Một con thuyền với một túi thơ », bản nôm chép: « Một con thuyền với một khách thơ » có lẽ phải hơn, vì chữ « khách » mới hiệp văn « xích » ở câu trên: « Ông Tô từ qua chèo Xích xích, một con thuyền với một khách thơ ». Câu thứ 6, ông

7 và 8, ông Hàm chép: « thuyền một lá xông ngang ghềnh bạch lộ, Buồng chèo hoa len lõi chốn sơn cương », bản nôm chép: « Buồng một lá giữa dòng bạch lộ Nhớn như chèo trên chốn tiên hương », tôi thiết tưởng câu ở bản nôm phải hơn, vì đã đúng chữ « một lá » thì

không phải dùng chữ « thuyền » và đã là một cảnh chơi thuyền, thì chữ « xông » không được. Đến vế dưới mà đặt chữ « len lõi » cũng không hợp nghĩa, chữ « sơn cương » không bằng chữ « tiên hương », vì « sơn cương » là « cảnh núi », « tiên hương » là « làng tiên », tuy lúc bấy giờ ông Tô Đông pha có đi chơi cảnh núi, nhưng đã đặt làm bài hát, thì thường dùng những chữ có thể vì, chứ không dùng chữ « len lõi » và chữ « sơn cương » nghe như thật thà quá; vả lại lối thơ của Tàu và của ta xưa nay phần nhiều tả những cảnh mượn thì chữ « tiên hương » cũng không phải là quá đáng. Còn chữ « cò » hay « chốn » thì cùng

một nghĩa, nhưng đây phải đọc là « chỗ » mới hợp văn « lộ » ở câu trên (*Ca trù thế cách*, bản sao của Trường Bắc cò, số A-B 160, tờ 27 a).

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

BA MƯƠI NĂM LÀM QUAN

*Ba mươi năm trước ngày hôm nay,
Siêng siêng hóm hóm trò theo thầy,
Một gánh giang sơn toan nhắc bổng,
A ngờ lần lữa qua tháng ngày.*

*Ai ngờ lần lữa qua tháng ngày,
Nhìn bóng trong gương mái tóc thay,
Lộc nước ơn na chổng chắt mãi,
Túi cơm giá áo thêm mất giầy.*

*Túi cơm giá áo thêm mất giầy,
Đuối bước bấy giờ khó nói hay,
Thôi mặc đàn con xoay xở vậy,
Sẵn vườn, sẵn ruộng ta về cấy.*

*Sẵn vườn sẵn ruộng ta về cấy,
Ngoài ruộng cấy lúa, vườn giống cấy,
Sang sáng thắm đồng chiều ngắm cảnh,
Mưa nhàn chẳng tốn mấy mây may.*

Hương Sơn THỨC HÒA

Hàm chép: « Trăng chềch chềch đầu non mới ló », bản nôm chép: « Trăng chềch chềch đầu non vừa ló »: có chữ « vừa » thì mới hiệp văn « tờ » ở câu thứ 5: « Gió hù hù mặt nước như tờ, Trăng chềch chềch đầu non vừa ló ». Câu

Kiểm điểm người và việc
trong hàng trí thức Việt-nam

HỘI TRUYỀN BẢ QUỐC NGŨ' VỚI TRÊN BA VẠN HỌC TRÒ

PHẠM-MẠNH-PHAN

Nổi đến các hội của người Việt nam ta, tôi tưởng hiện nay hội Truyền bá quốc ngữ là một hội học có thanh thế nhất ở khắp ba bộ.

Hội đã làm được những gì từ ngày thành lập cho đến hồi đảo chính? Ta cũng nên ghi chút ít tài liệu về hội để sau này giúp các nhà khảo cứu về xã hội học biết cuộc tiến hóa của dân tộc ta trong nou chục năm cuối thời pháp thuộc.

Hội Truyền bá quốc ngữ được phép thành lập ngày 29 tháng 7-1938, kể tới ngày 9-8-1945 hội sống vừa được 7 năm. Công việc của hội bắt đầu từ trong thành phố Hanoi rồi lan ra tới các vùng ngoại ô và các tỉnh lân cận. Đến nay chẳng những nhiều tỉnh miền xuôi có đặt chi nhánh của hội và các tỉnh miền thượng du cũng đã thành lập được vài nơi chi nhánh để chống nạn thất học, trong đám đồng bào nghèo túng.

Khóa học đầu tiên của hội khai giảng ngày mồng 9-9-1938 tại Hanoi ở hai khu trường Trí Trí và Thăng long.

Tới ngày đảo chính, hội đã khai giảng được 13 khóa: mỗi khóa là 4 tháng.

Chúng ta hãy nhìn bảng thống kê dưới đây để biết qua công việc tiến hành của hội:

Khóa thứ	Khu trường	Số giáo viên	Học trò
1	2	30	800
2	4	45	1000
3	9	60	1200
4	9	70	1100
5	12	87	1400
6	13	105	1600

Khóa thứ	Khu trường	Số giáo viên	Học trò
7	20	173	5200
8	21	165	3100
9	23	179	3100
10	25	185	3200
11	31	210	3300
12	35	245	3000
13	53	417	3800

Trong 4 khóa đầu hội chỉ mở các lớp ở trong thành phố và qua đầu khóa thứ 5 (1940) tôi mới bắt đầu mở các lớp ngoại ô. Và tới khóa thứ 12 (1944) các lớp ở các làng vùng Đại lý đặc biệt mới bắt đầu có.

Theo bảng trên thì ta thấy số trường và số giáo viên tăng lên một cách khả quan. Và tổng cộng tất cả hội đã dạy được trên ba vạn học trò kể cả khóa thứ 14 đang khai giảng.

Ngoài các khóa học, hội đã mở được một thư viện bình dân đầu tiên ở Bạch Mai. Tại các làng Khương thượng, Yên Thái và Yên Phụ cũng đã hoàn thành vài thư viện bình dân khác.

Chương trình dạy học của hội chia làm hai bậc:

a) lớp mở lòng tức sơ học dạy đánh vần và tập đọc quốc ngữ.

b) lớp bồi tức dạy cho các học trò đã trúng tuyển kỳ thi mầu khóa bậc sơ học và những người có sức học trong đương biết thêm những điều thường thức cần cho sự sống hằng ngày.

Các sách vở hội đều cho không. Và tính trung bình về mấy khóa đầu, mỗi học trò tốn cho hội từ 0\$50 đến 1\$00 trong mỗi khóa. Hiện nay giá đồ tăng từ 5\$ đến 7\$00.

(Xem tiếp trang 13)

ĐÒN « BÈC-ĐÊ »

L. T. S. — Trên mặt báo này, từ nay Có Lý, vốn yêu tôn chỉ Tri-Tán, cứ hằng tuần sẽ hiến các bạn những mẩu chuyện lượm lặt trong lớp gió bụi của đời.

Trong làng báo Bắc bộ, Có Lý không phải một tên xa-lạ. Các bài báo của Có Lý đã rải-rắc khắp đó-dây đủ là những đảm-bảo chắc-chắn để gọi lòng tin của các bạn. Chúng tôi không dám dài lời giới-thiệu.

Hồi Tây còn ở đây, anh em làng yêu và làng chạy, lúc ở hỏa-lò ra, thường nhắc đến một cái tên : Berger. Ấy là lão cai ngục. Ngài họ Phạm kia được nổi-danh về sự thắt tiệp quan tây thì y cũng được nổi danh về cái tài đánh tù.

Hãy nghe một yêu tri-kỷ với bạn bên khay đèn :

— Mẹ kiếp ! nó đánh thế nào thánh quá, một trăm « ca-dui » như nhau, cả một trăm đều tằm tấp. Người ta bảo với đây rằng nó nghiện đánh ; một ngày mà không mua « ca-dui » một lần là y như rằng nó ăn không biết ngon. Mà một lần nào có phải ít, soàng ra cũng là nửa bách. Lại... nửa bách... cầm như máy, cầm như móc mới chết con người ta chứ....

Berger đánh, đánh khỏe lắm, đánh đều lắm, đánh một cách rất máy móc, rất khoa-học khiến anh em làng yêu đã phải súc-cảm mà ghi tài-ba của y bằng lời thơ :

Đi thời nhớ vợ cùng con

Về nhà lại nhớ đến đòn « bec-dê ».

Đòn « bec-dê », bảy giờ, cũng theo sự sụp-đổ của người Pháp mà đi tây, không còn ở đất này nữa. Nhưng nếu ở đất này, những cái lưng vẫn còn là những cái lưng để chịu đánh chỉ là những cái lưng để nhận đòn, không thối, thì luật cung cầu sẽ dạy chúng ta rằng : Khi ở một nơi nào, có thừa những cái lưng để ăn đòn thì không sợ thiếu những « ca-dui » để làm việc.

Luân-lý của truyện này : Hãy cách mệnh những bộ lạng. Ta hãy bắt-chước anh em yêu mà vui vẻ tiễn người đi, cũng bằng lời thơ :

Giật chiếc ca-dui ném xuống sông,

Thời thời tôi cũng « mét-sì » ông

Ông về nhớ hỏi « cầm ma lách » :

Quan... Đực « cà-dui » « máy móc » không ?

CÓ LÝ

Ta phải chống lại...

(Tiếp theo trang 11)

không bị cái thành-kiến hẹp hòi và chủng-lộc làm cho mờ mắt. Những áng văn bất hủ của người Việt Nam sẽ được đem phiên dịch dần dần ra tiếng anh, tiếng pháp, tiếng nhật; để bày tỏ rằng nước Việt Nam là một nước văn-hiến; đã có một nền văn-minh đặc-sắc. Và việc cần nhất là phải soạn một « cuốn sách vàng » ghi các chiến-công oanh-liệt của người mình trong bao trận giao-tranh với Trung hoa để bảo-vệ nền độc-lập của đất nước, hay phá tan xiềng xích của kẻ ngoại xâm, cũng là những cuộc quật-cường của ta trong tám mươi năm pháp thuộc, sự hy sinh của bao nhiêu trang liệt-sĩ như Phan đình Phùng, Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân, Phan bội Châu, Hoàng Hoa Thám, Phan chu Trinh, Phạm hồng Thái, Nguyễn thái Học, Kỳ Con, Sĩ Nhu, Phó đức Chính, v.v...

Tôi lại có cái mộng - tưởng là một ngày kia, nhiều phiên ảnh mỹ-thuật của người Việt - nam tả đời sống, cùng tính - tình, phong-tục dân ta, hay nhắc lại những trang lịch - sử vẻ - vang của đất nước, sẽ chiếu trên các màn bạc có tiếng ở Viễn-đông, và bên Âu, Mỹ, dân các thành-phố Đông kinh, Ba-lê, Nữu - ước, Luân - đôn, Pa-linh, sẽ được mục-kích cảnh hát chèo em Trưng - Chắc, Trưng - Nhị chiêu tập binh mã, đánh đuổi tên thái thú tham tàn, cảnh bà Triệu-An « vũ đài ba thước » ngồi trên mình voi phất cờ nương - tử, hay cảnh Trần quốc Tuấn diệt quân

Hồng - cò trên giếng nước Bạch-đăng giang! Người ta sẽ diễn lại quãng đời phiêu lưu của Hoàng hoa-Thám trong rừng Yên - thổ, thiên lịch-sử anh hùng và bi - đát của « Việt-nam quốc dân đảng » : những buổi hội họp bí mật trong bóng tối, hay ở một căn nhà vắng, những cuộc ám-sát mấy tên phản-đảng ở Hải phòng và vườn Bách thảo, những ngày khởi nghĩa đẫm máu mà quân địch đầu - áp bằng cách rọi bom xuống Cù-am, và đốt phá các làng vô tội. Rồi thì đến các cảnh tra-tấn rừng-rợn, dã-man trong ty mật - thám : bọn chó săn đồ chi lố lăng lên bụng phạm-nhân, hay nung sắt đỏ dìm vào mặt họ. Đây là một người bị xích chân xích tay, treo rốc lên sà nhà, trong khi gậy và thanh sắt đập túi bụi lên đầu, lên mặt hắn. (1) Có nhà cách mệnh chết rồi còn bị chúng đem ra hành hạ : Nguyễn văn Viên đã thất cò chết trong hỏa lò, bọn ngục tốt pháp còn vác xác ra quật mãi ở ngoài sân ngục! Ta được thấy sự can-trường, gan dạ của các nhà cách - mệnh Việt-nam : Trịnh tam Tỉnh bị tra tấn đến hai mươi ngày mà vẫn không chịu khai. Một người tên là Độ đề yễn cho bọn mật thám tha hồ đánh đập, không thêm rí ráng nói nửa lời, đến nỗi đến tên ông ta, họ cũng không biết là gì. Còn một nữ-đầu-viên trong ám - sát đoàn bị chúng lột trần truồng, rồi nắm tóc, và quật mãi thật mạnh vào từng nhà. Ngay đêm hôm ấy, cô nuốt giải yếm - tự vẫn ở nhà giam (1).

Và đây là hồi cuối cùng của tấn kịch máu ấy : Các yếu - nhân

trong đảng lần lượt tìm được cái chết vinh quang. Sự Nhụ bị thương nặng ở chân trong trận đánh Lâm-thao, vật mình lên hai quả lựu-đạn đề tự tử « Đạn nổ Ngựa vỡ, bụng vỡ, trông thấy cả gan ruột .. Nhưng anh không chết. Chúng bắt anh, băng bó lại mà không đi. Đợi đờng, anh nhẩy xuống sông, nhưng chúng lại vớt được! Mãi đêm hôm sau, trong buồng giam, tay bị cùm, chân bị xích, anh phải tự đập vỡ đầu ra mới chết thoát thân... » Cách đây mấy tháng, ở pháp trường Yên-báy, 13 vị liệt sĩ khác thân-nhiên bước chân lên đoạn - đầu-đài : « Phó đức Chính — theo nhời Nhượng Tống — đòi đặt mình nằm giữa đề xam lưỡi máy chém nó xuống thế nào ; Nguyễn thái Học lên sau cùng, mỉm miệng cười đưa mắt nhìn công chúng, nhìn quân lính, nhìn máy chém, rồi cất giọng đĩnh đạc, trầm-bùng mà hô thật lớn Lớn tiếng : « Việt-nam vạn tuế ! » (Nhượng - Tống : (Tiểu sử Nguyễn thái Học » trang 128) ; trong khi ấy, cô Giang cố sức bình sinh giữ cho lệ khỏi tràn qua khóe mắt, nhìn lần cuối cùng người vợ hôn phu của nàng sắp trả nợ nước dưới lưỡi đao của đao - phủ - thủ. Và ngày hôm sau, người ta thấy xác cô nằm ở bên đường, cạnh làng Thổ-Tang, một vết thương sâu hoắm ở thái-đương bên phải : vị nữ ái - quốc tinh Bắc đã lấy súng lục tự tử để chết theo Nguyễn thái Học...

Những cảnh trên màn bạc ấy chắc sẽ mãi mãi in sâu trong ký

GIỚI THIỆU

Tri Tân vừa nhận được của Đáo lộ thư xấp xỉ 2 quyển :

1. *Tranh vẽ làng Việt nam cũ và mới* — giá 6\$00-56 bức vẽ rất có ý nghĩa của Mạnh Quỳnh.

2. *Mấy vần thơ dịch của Phan văn Chi* — giá 7\$00.

3. Chúng tôi mới được tin tại Nam vang (Cao miên) sẽ ra tờ *Thời báo*, cơ quan thông tin và nghị luận ra hàng ngày.

Chúng tôi xin kính chúc bạn đồng nghiệp được trường thọ và giới thiệu với các bạn đọc.

Tri-Tân

tra các khán giả. Như vậy, nhờ những cuốn phim, các sách tuyển truyền của ta, người ngoại quốc mới được thấy « bộ mặt thực » của bọn thực dân, mới hiểu rõ những đức tính đê hèn o'ng, hy sinh, cùng những năng lực tinh thần và vật chất của dân tộc anh hùng. Đề cho hoàn cầu biết rõ ta hơn và sẵn lòng công nhận nền độc lập của nước Việt nam, tôi tưởng không có cách nào hiệu - nghiệm hơn cách này.

VŨ BÔI LIÊU

Kỳ sau — Những khả năng của dân tộc Việt nam.

1) Theo một bài báo viết trong ngục, mà Nguyễn thái Học định gửi cho các báo ngoại quốc, Bài ấy — theo nhời Nhượng Tống — đã đã có đăng ở một vài tờ báo bên pháp hồi ấy.

1) Viết theo tài liệu của Nhượng Tống, trong cuốn « Tiểu sử Nguyễn thái Học ».

HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC NGŨ

(Tiếp theo trang 15)

Ngoài cuốn « Văn quốc ngữ » hội đã xuất bản, trong loại thường thức được 2 quyển *Bác Hai bên* (cách ăn ở trong họ ngoài làng) của ông Hoàng đạo Thủy và cuốn « Vệ sinh » của ông Trịnh văn Toát —. Về loại chuyên môn hội đã xuất bản cuốn « Phương pháp và cách thức dạy mở lòng » và quyển « Mấy điều cần thiết » của ông Nguyễn hữu Đang dành cho các giáo viên của hội để chỉ dẫn các điều về tổ chức lớp học và khoa sư phạm.

Về phương diện chuyên môn, hội có tổ chức những buổi *Huấn luyện giáo viên*, có lớp *Ủy ban tự luyện* và có lớp *Huấn luyện giám đốc*.

Về phương diện tinh thần, hội đã mở các cuộc nói chuyện đề nâng cao tinh thần phấn đấu giữa các hội viên, đã tổ chức những cuộc *Trung bày công việc*, *Hội nghị giáo khoa toàn quốc* (29-7-1944) cùng những kỳ *Họp bạn lớn* và ngày hội *Gia đình giáo viên* để gây ảnh hưởng của hội lan sâu rộng vào các gia đình các giáo viên và dân chúng.

Tôi vừa phác qua trên đây các công việc của hội Truyền bá quốc ngữ từ ngày thành lập cho tới ngày 9-3-1945 là ngày chấm hết cuộc bảo hộ thâm độc của bọn thực dân Pháp.

Thời kỳ đó chúng ta có thể coi là giai đoạn khó khăn nhất của hội. Vì hội trong thời kỳ Pháp thuộc đã phải dè dặt mọi hành động mọi cử chỉ để mong theo hành các công việc đã định và để tránh hết thảy các điều nghi kỵ của các nhà cầm quyền pháp trong thời đó.

Nhiều người khó tính cho rằng trong kinh thành Huế Long đông đúc tới trên 30 vạn người mà trong 7 năm trời đó, chỉ mới giáo hóa được có trên 3 vạn người biết đọc và biết viết.

Đặt lời trách đó về hội Truyền bá quốc ngữ trong thời đó, tôi tưởng hơ, nghê, êm khác một chút.

Lấy công tâm mà nói chúng ta phải xét tới các sự khó khăn và các trở lực tột độ đã gặp trong 7 năm đầu.

Không cần nói, mọi người đều rõ người Pháp ở đây khi trước chỉ cốt thi hành chính

sách ngu dân để dễ bề đầu đồng bào ta trong công việc cai trị. Họ đã cố ý không ban hành lệ luật cưỡng bách giáo dục vì họ có dã tâm chôn vùi dân tộc ta trong đêm dày của sự dốt nát và ngu muội.

Cho hội Truyền bá quốc ngữ ra đời ngoài mặt tuy họ có vẻ nói tay khai hóa nhưng họ vẫn theo rồi từng bước một những hành vi của toàn thể hội viên để hòng có dịp gồng cùm tất cả phần tử hoạt động nhất của hội trong các khám lớn. Họ nghi ngờ hội có tính cách chính trị và luôn luôn thọc gậy bánh xe để cản trở công việc của hội.

Theo điều lệ đã được họ duyệt y, mỗi khi hội mở tại một nơi nào một lớp học thì hội chỉ phải viết giấy báo trước cho viên chủ tỉnh biết và không phải xin phép nữa. Nhưng trái lại những viên chủ tỉnh đã bắt buộc phải xin phép trước khi khai giảng và còn điều tra cặn kẽ về các lý lịch của các giáo viên của hội.

Nếu không may một vài giáo viên nào bị liệt vào hàng tình nghi không có tư cách để bèn xui nịnh họ, là họ làm khó dễ và nghi ngờ có tư tưởng quá khích! Bọn quan lại tham ô và bọn lý dịch dưới quyền họ tha hồ mà hống hách, mà dè dặt và bấp chết sự bành trướng của hội trong dân gian.

Nhiều khi sau bao ngày chờ đợi hội mới được phép khai giảng thì một phần lớn các lý dịch ở chốn thôn quê lại kéo bè nọ đảng kia mà phá hoại công việc của hội. Nào hội đồng hành chính, nào ông lý, nào ông phó, ông nào cũng muốn hách dịch với các hội viên của hội để nộ nạt. Vì muốn tăng công, họ đã bịa đặt hội về quê họ cốt tuyên truyền các tư tưởng cộng sản chứ không phải cốt truyền bá quốc ngữ.

Nhiều khi vì ghét và có tư hiềm với một vài giáo viên là người làng, họ đã kéo bè kéo đảng ra nào chửi rủa nào ném đá vào lớp học để người dạy phải nản lòng. Có lúc họ đã công khai cổ động các gia đình dân em không được cho con cháu tới học!

Với cái dân trí ngu muội của phần đông bọn kỳ mục kỳ nạt chốn thôn ỏ, sự bành trướng của hội quả đã gặp nhiều bước khó khăn chật vật.

(Xem tiếp trang 20)

VŨ PHẠM KHẢI

(Tiếp theo trang 5)

việc soạn sách ở sở Hội-diễn để lấy công chuộc tội, Phan Thanh-Giản là chức Ngự-sử, đàn hặc là phận sự của mình, tuy có không đúng mấy điều, bộ Lại kết nghị cũng phải, nhưng nay gia ân miễn cho sự xử-phán, chỉ sức bảo cho biết, để tỏ sự hành pháp của triều đình thật là chí công chí minh, không hề thiên vị; còn bọn Học-sĩ Nguyễn-văn Siếu, Thiêm-sự Phạm hữu-Nghị, Thị-lang Phan Tĩnh và Tôn-thất-Tĩnh, Tự-khanh Trần Trứ, hoặc cùng Vũ phạm - Khải bàn luận khích thành câu chuyện, hoặc tư khai trước sau không đúng, tùy theo nặng nhẹ mà xử phạt, Nguyễn-văn - Siếu đổi làm giảng 4 cấp lưu, Phạm Hữu-Nghị đổi làm giảng 3 cấp lưu, Phan Tĩnh đổi làm giảng 2 cấp lưu, Tôn thất-Tĩnh đổi làm phạt bổng 1 năm, Trần Trứ đổi làm phạt bổng 9 tháng. Thế là án ấy mới kết liễu.

Trước khi án thành, vua Dực-Tôn có hỏi ông Nguyễn đình-Tân rằng:

— Vũ phạm Khải sao có nhiều người không ưa thế?

Ông Nguyễn đình-Tân tâu:

— Bởi Khải là người kháng khái, không a-phu với người quyền-quý, ngay đối với thần, trước sau đều không có thái độ, xu viêm phụ nhiệt như mọi người khác, thấy ai có lỗi, lại hay bẻ thẳng ở trước mặt, vì thế nên nhiều người không ưa.

Vua gật đầu.

Sau khi phát giảng, ông Khải xin tạm nghỉ về quê viếng thăm cha mẹ.

Năm Tự đức thứ 3 (1850), Vũ Phạm Khải tuổi 44, được thăng Hộ bộ viên-ngoại-lang có chỉ vời vào kinh tỵn chức. Nhưng ông Khải nghĩ vì cha mẹ tuổi già, quyến luyến không rút ra đi được, bèn cứ xin nghỉ lâu nữa mãi, sau cùng thì xin được ở nhà chung đờng (1), vua chuẩn y lời xin. Nhưng không bao lâu, phát ra cái án ông vay tiền kho ở Thừa thiên chưa trả. Nguyễn văn năm Tự đức nguyên niên, ở kinh-dô dịch-khi lưu hành, có nhiều người chết, quan Tham-trí Hoàng Tổ Mỹ cũng mất trong đời ấy. Ông Mỹ là người làng Đông-ngọc huyện Từ

liêm cùng ông Khải có mối tình thân họ bạn. Nghe ông Mỹ ốm, ông Khải đến trông nom thang thuốc chẳng nề vất vả, rồi ông Mỹ chết (2), ông Khải lại trông nom việc tang, mượn riêng tiền kho Thừa-thiên 3 trăm quan, cùng các bạn đồng liêu đưa giúp. Sau chưa trả được rồi nay việc phát lộ ra, đình nghị cách chức được Hoàng - thượng phải đổi làm cách lưu. Ông xin phép về nhà, làm một cái nhà đặt hiệu là Dưỡng - trai ở đấy thờ phụng thờ cha mẹ. Ông đổi trước sang đường bày một tiệc lễ bái niên, nói là để tạ cái tội dâng dâng bao năm thân hồn sơ khoáng, để tạ cái tội làm quan không biết kính cần chuốc lấy sự bất-truất xấu - hổ. Bỏ bạn đến dự lễ đông lắm, sang đường rất là vui vẻ. Ông thờ hai thân rất kính cần tận lễ, sáng dậy tất vào vấn an, rồi hầu nước hầu cơm, nói mặt vui vẻ, 6, 7 năm giới trừ những buổi đi vắng, ngày nào cũng như ngày nào. Dọc lúc nhàn rồi ông lại thu dạy năm, ba kẻ học trò. Cách dạy đại khái lấy nghĩa lý làm đầu kinh điển làm chốt, mà ngoài cái học khoa cử lại thiếp lẹp cả đến thế vụ có khi cùng học trò bàn luận kinh sử ông nói:

Sách Đại học nói tâm, sách Trung dung nói tính, đầu sách Luận ngữ nói sướng vui, ấy là tình vậy. Sách Mạnh tử nói nhân nghĩa, đó là tâm thống cả tính tình. Cái nghĩa của tâm, tính tình, gốc ở sách Chu dịch, rồi bộ Tu thư lần lượt phát minh ra.

Lại rằng

— Trong kinh không có một chữ nào không có ý nghĩa, kẻ học lần từng chữ từng câu mà tìm ra nghĩa lý mới được; ngày nay người ta đọc sách thường tựa như phẩy bụi.

Đọc thiên Kim-dăng trong kinh Thư ông nói:

— Lời gèm báng thật đáng sợ thay.

(Còn nữa)

TRUC-KHÊ

(1) Chung đờng là nuôi cha mẹ cho đến khi cha mẹ mất.

(2) Ông Mỹ đỗ giải nguyên khoa Ất dậu (1875) đỗ hoàng giáp khoa Bính-tuất (1876), làm đến B u h bộ Tham trí, khi mất, được tặng Lễ bộ Thượng thư. Nay ông Tổng đốc trí sĩ Hoàng Huân Trung là dòng sau của ông Mỹ.

HỘI TRUYỀN BẢ QUỐC NGŨ

(Tiếp theo trang 18)

Ngoài ra hội T B Q N chỉ là một hội học có chi mà không có thu! Vì vậy nền tài chính của hội, mặc dầu ban khánh tiết và ban cổ động đã hết lòng làm việc, vẫn thường eo hẹp và bấp bênh!

Trước giá giấy bút lên cao, trước tình thế nghiêm trọng các hội viên đều phần nhiều tản cư trên nguyệt lâm vì vậy đã khó thu và quỹ của hội lúc này cũng gần như chiếc hòm trống đáy!

Mặc dầu những sự khó khăn về tinh thần và về tài, trong bảy năm vừa qua, với tình thế ấy mà hội đã đạt được trên 3 vạn học trò, tôi tưởng chúng ta cũng nên công bằng mà ghi công ấy của toàn thể các giáo viên của hội, đối với cuộc khai hoá của đất nước.

Trước sự hi sinh đẹp đẽ để phụng sự tổ quốc và trước tình thần phấn đấu của anh em chị em giáo viên và của toàn thể các nhân viên trong các ban của hội Truyền bá quốc ngữ, chúng ta hãy đặt một cái mốc để treo cao tấm gương hắc ái ấy của anh em chị em niên thiếu đối với người đồng chúng.

Chúng ta lấy làm cảm động thấy ở phần đông các hội viên của hội một nguồn sống dồi dào đầy sinh lực đã luôn luôn thúc giục họ quên tất cả mọi thứ để làm việc cho tôn chỉ hội đề đặt đồng bào nghèo khổ ra ngoài ngục tối của ngu si.

Với kỷ nguyên mới của lịch sử này từ nay ngoài vòng trời buộc, chúng ta tin rằng các phần tử quả cảm và hoạt động của hội với một phạm vi hành động rộng rãi hơn sẽ chẳng bao lâu hái được những kết quả đẹp đẽ hơn và đầy hứa hẹn hơn trước hồi pháp thuộc.

Hãy gắng lên, các bạn! Đất nước bao giờ cũng biết ơn những chiến sĩ không lên tuổi cặm cùi làm việc trong bóng tối, chỉ một lòng hy sinh cho ích công mà không hề để tâm hồn vẫn đục vì danh vì lợi.

PHẠM-MẠNH-PHAN

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

(Tiếp theo trang 7)

10. — Chu-tam-Dị, người xã Phò-lư, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm ba mươi sáu tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến hàn-lâm-viện kiêm-thảo (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 37 b).

11. — Phan-Tế, người xã Bạch-xá, huyện Duy-tiên, phủ Ly-nhân, trấn Sơn-nam. Làm nhà ở xã Nguyễn-Xá, huyện Thạch-thất, trấn Sơn-tây. Năm hai mươi tuổi, đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến chức thừa-chính-sứ, tước Nam. Đến cháu là Phan Bảng nhập-tịch ở Thạch-thất, đỗ tiến-sĩ khoa 1623 (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn nam, tờ 77 a).

12. — Đinh-Thụy, người xã Tùng-quan (Đặng khoa chép là Tử-quất), huyện Đông-yên, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến hàn-lâm-viện kiêm thảo (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 82 b và Đặng-khoa-lục, q. 2, tờ 23 b).

13. — Phạm-kính-Bang, người xã Thị-trung, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-Thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến giám-sát ngự-sử. Sinh ra Phạm-viết-Mậu đỗ nhị-giáp khoa 1556 (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 37 b).

14. — Lương-Nhượng, người xã Nội-trà, (Đặng khoa lục chép là Nội-trừ), huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn kinh-bắc. Năm hai mươi chín tuổi, đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến giám-sát-ngự-sử (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh bắc, tờ 59a, Đặng khoa lục chép làm đến tham-chính).

15. — Nguyễn-Dương, người xã Trà-lâm, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh bắc. Năm hai mươi sáu tuổi, đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến tự-khanh. Là em Nguyễn-Điền đỗ nhị-giáp khoa 1535; là tằng-tổ Nguyễn-Cồn đỗ tam giáp khoa 1637 (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 105 b).

16. — Nguyễn-quang-Tán, người xã Vọng-nguyệt, huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm hai mươi tám tuổi, đỗ tam-giáp khoa 1529. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 23b). Đặng-khoa bị-khảo q. Kinh bắc, tờ 59a, chép là người xã Như-Nguyệt, và chép đỗ năm ba mươi chín tuổi. (Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

TẠP-CHI VĂN-HÓA: Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý: Nguyễn-Tường-Phượng

Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chancéaulme, Hano